

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 101/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/11/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Lưu Triều

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đỗ Văn Hòa

2. Bà Trần Thị Thanh Nga

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thái Hà – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Nhã Uyên – Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 337/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/10/2024 giữa:

**Nguyên đơn:** Bà La Thị Thùy T – sinh năm: 2000

Địa chỉ: khu phố C, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

**Bị đơn:** Ông Trần Quốc V – sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2024 nguyên đơn là bà La Thị Thùy T và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đều trình bày: Bà La Thị Thùy T và ông Trần Quốc Văn tự N tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2020 ngày 24/3/2020.

Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian đầu. Nhưng từ khi bà T sinh con thì phát sinh mâu thuẫn vì ông V không quan tâm đến vợ con, nguyên nhân là do ông V đi sớm về trễ, làm ra tiền về không phụ với vợ để chăm lo cho gia đình mà chỉ ăn chơi lo cho bản thân nên vợ chồng thường cãi vã, đời sống không hòa hợp, ông

V thường xuyên có hành vi vũ phu, bạo hành gia đình và dùng những hành động, lời nói xúc phạm tới bà T do đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mặc dù gia đình hai bên cũng như vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vẫn không hề giảm mà ngày càng phát sinh trầm trọng hơn nên từ đó bà T, ông V sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay bà T nhận thấy tình trạng gia đình đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà La Thị Thùy T và ông Trần Quốc V có 01 người con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 02/5/2020. Hiện nay cháu K chỉ mới 04 tuổi và đang sống chung với bà T nên sau khi ly hôn bà T muốn tiếp tục được nuôi con và không yêu cầu ông V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà La Thị Thùy T chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà La Thị Thùy T xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại Bản tự khai ngày 21 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Quốc V đều trình bày:**

Ông Trần Quốc V, bà La Thị Thùy T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2020 ngày 24/3/2020.

Về mâu thuẫn để bà T làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn là đúng vì khi chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn về tài chính và mâu thuẫn trầm trọng là vào năm 2023 do việc làm của ông V không ổn định nên khó khăn về tài chính kinh tế do đó ông V thường tức giận nên có hành vi vũ phu, bạo hành gia đình và dùng những hành động, lời nói xúc phạm với tới bà T, từ đó vợ chồng mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc giúp đỡ cho nhau nên tình cảm nhạt phai.

Ông V thừa nhận mâu thuẫn giữa 02 vợ chồng theo bà T trình bày là đúng sự thật, nhưng việc bà T làm đơn yêu cầu ly hôn, ông V không đồng ý, mặc dù vợ chồng không còn chung sống thương yêu nhau vì mâu thuẫn đã trầm trọng nhưng do ông còn thương con nên ông không muốn ly hôn.

Về con chung: ông Trần Quốc V, bà La Thị Thùy T có 01 người con tên Trần Tuấn K, sinh ngày 02/5/2020, hiện nay con chỉ mới 04 tuổi và đang sống chung với bà T nên sau khi ly hôn đề nghị căn cứ theo quy định của pháp luật để xét xử.

Về tài sản chung: Ông Trần Quốc V chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Ông Trần Quốc V xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, đồng thời chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử, nghị án và tuyên bản án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà La Thị Thùy T được ly hôn ông Trần Quốc V.

Về con chung: Bà La Thị Thùy T và ông Trần Quốc V có 01 người con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 02/5/2020. Hiện nay cháu K đang sống với bà T nên giao người con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, do bà T chưa có yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chưa xem xét.

Về tài sản chung: Bà La Thị Thùy T, ông Trần Quốc V chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà La Thị Thùy T và ông Trần Quốc V xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà La Thị Thùy T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn ông Trần Quốc V, ông V có nơi cư trú tại thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, theo quy định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà La Thị Thùy T và ông Trần Quốc Văn tự N tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2020 ngày 24/3/2020.

Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian đầu. Nhưng từ khi bà T sinh con thì phát sinh mâu thuẫn vì ông V không quan tâm đến vợ con, nguyên nhân là do ông V đi sớm về trễ, làm ra tiền về không phụ với vợ để chăm lo cho gia đình mà chỉ ăn chơi lo cho bản thân nên vợ chồng thường cãi vã, đời sống không hòa hợp, ông V thường xuyên có hành vi vũ phu, bạo hành gia đình và dùng những hành động, lời nói xúc phạm với tới bà T do đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn,

mặc dù gia đình hai bên cũng như vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vẫn không hề giảm mà ngày càng phát sinh trầm trọng hơn nên từ đó bà T, ông V sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay bà T nhận thấy tình trạng gia đình đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông V.

Khoản 02 Điều 05 Luật hôn nhân và gia đình quy định cấm các hành vi “Bạo lực gia đình” và Điều 03, Điều 08 Luật Phòng chống bạo lực gia đình quy định nghiêm cấm các hành vi “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng”.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau”.

Khoản 01 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho bà T, ông V trở về đoàn tụ với nhau nhưng bà T xác định không còn tình cảm với ông V vì hoàn cảnh gia đình đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông V thừa nhận mâu thuẫn giữa 02 vợ chồng theo bà T trình bày là đúng sự thật, việc ông V có hành vi hành vi vũ phu, bạo hành gia đình và dùng những hành động, lời nói xúc phạm với tới bà T cho thấy ông V không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ bà T nên đủ cơ sở nhận định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những lý do trên cho thấy việc bà T làm đơn yêu cầu ly hôn ông V là có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà T và ông V có 01 người con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 02/5/2020. Hiện nay cháu K chỉ mới 04 tuổi và đang được bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T có nơi cư trú, công việc thu nhập ổn định và nếu căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của người con thì việc giao cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T chưa có yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chưa xem xét.

Về tài sản chung: Bà T và ông V chưa có yêu cầu giải quyết nên chưa xem xét.

Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà T, ông V xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên chưa xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Ý kiến của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục cũng như nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Căn cứ:**

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 262, Điều 264 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **2. Tuyên xử:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà La Thị Thùy T được ly hôn ông Trần Quốc V.

2.2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 02/5/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông V có quyền thăm nom con. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con và ngược lại vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà La Thị Thùy T chưa có yêu cầu ông Trần Quốc V cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chưa xem xét.

2.4. Về tài sản chung: Bà La Thị Thùy T, ông Trần Quốc V chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về nghĩa vụ dân sự và nợ chung: Bà La Thị Thùy T, ông Trần Quốc V xác định không có nợ chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3. Về án phí:** Bà La Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002154 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/11/2024) bà La Thị Thùy T, ông Trần Quốc V có quyền kháng cáo.

**5. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:**

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự, trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự; **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết;
- Thi hành án dân sự Phan Thiết;
- UBND phường;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Nguyễn Lưu Triều**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Văn Hòa Trần Thị Thanh Nga**

**Nguyễn Lưu Triều**